TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CN
TỈNH CM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 214/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10- 10 - 2018
" V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CN, TỈNH CM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Nguyễn Văn Mầm

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CN.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện CN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2018/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1976 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp Kinh Lớn, xã Đông Thới, huyện CN, tỉnh CM.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1975 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp Kinh L, xã Đông Th, huyện CN, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31.7.2018 và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D kết hôn năm 1996 nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại UBND Đông Th, huyện CN, tỉnh CM. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến thường cãi vả, anh D không lo lắng cho gia đình, có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có con chung là Nguyễn Chí Cường, sinh năm 1997 và Nguyễn Chí Nguyên, sinh ngày 28.11.2007, hiện đang sống với chị. Đối với cháu Cường đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi cháu Nguyên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh D tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị S kết hôn năm 1996 nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại UBND Đông Thới, huyện CN, tỉnh CM. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường cãi vả, có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa anh D đồng ý ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh và chị S có con chung là Nguyễn Chí Cường, sinh năm 1997 và Nguyễn Chí Nguyên, sinh ngày 28.11.2007, hiện đang sống với chị. Đối với cháu Cường đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn, chị S yêu cầu nuôi cháu Nguyên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị S tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị S tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng dân sự*: Chị S có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện CN giải quyết việc hôn nhân của chị và anh D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CN.

[2] *Về hôn nhân*: Chị S và anh D kết hôn năm 1996 nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại UBND Đông Th, huyện CN, tỉnh CM. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Quan hệ tranh chấp giữa chị S và anh D được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét thấy chị S và anh D xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa chị S và anh D thống nhất ly hôn. Do đó, xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị S và anh D.

[3] *Về con chung*: Chị S và anh D có con chung là Nguyễn Chí Cường, sinh năm 1997 và Nguyễn Chí Nguyên, sinh ngày 28.11.2007, hiện đang sống với chị S.

Đối với cháu Cường đã đủ tuổi thành niên, chị S và anh D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Phía chị S và anh D đều yêu cầu nuôi cháu Nguyên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản làm việc ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện CN, cháu Nguyên có nguyện vọng sống với chị S, xét đây là nguyện vọng của Nguyên nên giao cháu Nguyên cho chị S tiếp tục nuôi D là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu nên không đăt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị S và anh D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị S và anh D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nếu sau này chị S, anh D có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Buộc chị S phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị S tiếp tục nuôi D cháu Nguyễn Chí Nguyên, sinh ngày 28.11.2007 đến tuổi thành niên, anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị S phải chịu số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004647 ngày 31.7.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CN, chị S đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh CM;*
- *VKSND huyện CN;*
- *Chi cục THADS huyện CN;*
- *UBND xã Đông Th;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn A Đam